

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 05/2018/QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày 02 tháng 4 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành quy định một số nội dung về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với hệ thống đường tỉnh, đường đô thị, đường huyện, đường xã trên địa bàn tỉnh Bắc Giang

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

Căn cứ Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

Căn cứ Thông tư số 04/2008/TT-BXD ngày 20 tháng 02 năm 2008 của Bộ Xây dựng hướng dẫn quản lý đường đô thị;

Căn cứ Thông tư số 16/2009/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2009 của Bộ Xây dựng về sửa đổi, bổ sung Thông tư số 04/2008/TT-BXD ngày 20 tháng 02 năm 2008 của Bộ Xây dựng hướng dẫn quản lý đường đô thị;

Căn cứ Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23 tháng 9 năm 2015 của Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

Căn cứ Thông tư số 35/2017/TT-BGTVT ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Bộ Giao thông vận tải sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2015/TT -BGTVT ngày 23 tháng 9 năm 2015 của Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 19/TTr-SGTVT ngày 20 tháng 3 năm 2018.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định một số nội dung về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với hệ thống đường tỉnh, đường đô thị, đường huyện, đường xã trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 4 năm 2018. Quyết định này thay thế Quyết định số 124/2012/QĐ-UBND ngày 11 tháng 5 năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang ban hành Quy định quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên địa bàn tỉnh Bắc Giang và Quyết định số 34/2012/QĐ-UBND ngày 10 tháng 02 năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang ban hành Quy định về quản lý và sử dụng tạm thời một phần vỉa hè, lòng đường không vì mục đích giao thông tại các tuyến đường đô thị trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

Điều 3. Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lại Thanh Sơn

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

**Một số nội dung về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông
đường bộ đối với hệ thống đường tỉnh, đường đô thị, đường huyện,
đường xã trên địa bàn tỉnh Bắc Giang**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 05/2018/QĐ-UBND
ngày 02/4/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh)*

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định một số nội dung về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với hệ thống đường tỉnh, đường huyện, đường xã; đầu nối đường nhánh vào đường tỉnh, đường huyện; quản lý một số hoạt động sử dụng tạm thời một phần hè phố, lòng đường không vì mục đích giao thông tại các tuyến đường đô thị thuộc địa bàn tỉnh Bắc Giang.

2. Những quy định khác có liên quan đến quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên địa bàn tỉnh Bắc Giang không có trong Quy định này, thực hiện theo các quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân liên quan đến công tác được quy định tại khoản 1, Điều 1 Quy định này.

Điều 3. Phân cấp quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với hệ thống đường tỉnh, đường huyện, đường xã

1. Sở Giao thông vận tải quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với hệ thống đường tỉnh và một số tuyến đường huyện được giao quản lý.

2. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp huyện) quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với hệ thống đường huyện (trừ các tuyến đường huyện do Sở Giao thông vận tải quản lý); phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên địa bàn huyện.

3. Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp xã) quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với hệ thống đường xã; phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên địa bàn xã.

Điều 4. Đặt tên, số hiệu đường huyện, đặt tên đường xã

1. Các tuyến đường huyện, đường xã phải được đặt tên hoặc số hiệu đường bộ theo quy định tại Điều 3, Điều 4 Nghị định số 11/2010/NĐ-CP và Điều này.

2. Số hiệu đường huyện được đặt như sau: “ĐH.số tự nhiên”. Số tự nhiên được quy định cho các huyện, thành phố theo bảng dưới đây.

Tên đơn vị hành chính	Số hiệu	Tên đơn vị hành chính	Số hiệu
Huyện Yên Dũng	01-10	Huyện Yên Thế	51-60
Thành phố Bắc Giang	11-20	Huyện Lạng Giang	61-70
Huyện Việt Yên	21-30	Huyện Lục Nam	71-80
Huyện Hiệp Hòa	31-40	Huyện Lục Ngạn	81-90
Huyện Tân Yên	41-50	Huyện Sơn Động	91-99

Trường hợp đường huyện hết số hiệu theo quy định thì sử dụng số hiệu đường huyện theo quy định kèm thêm một chữ cái, lần lượt từ B đến Z để đặt số hiệu.

3. Thẩm quyền đặt tên, số hiệu đường huyện, đặt tên đường xã

a) Ủy ban nhân dân tỉnh phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp huyện đặt tên đường và số hiệu đường thuộc hệ thống đường huyện.

b) Ủy ban nhân dân cấp huyện đặt tên đường thuộc hệ thống đường xã.

Chương II **QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

Mục 1

XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH THIẾT YẾU VÀ BIỂN QUẢNG CÁO TRONG PHẠM VI BẢO VỆ KẾT CẤU HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ ĐỐI VỚI ĐƯỜNG TỈNH, ĐƯỜNG HUYỆN, ĐƯỜNG XÃ

Điều 5. Xây dựng công trình thiết yếu và biển quảng cáo trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với đường tỉnh, đường huyện

1. Công trình thiết yếu và biển quảng cáo xây dựng trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với đường tỉnh, đường huyện trước khi phê duyệt dự án (hoặc thiết kế kỹ thuật) phải được cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền chấp thuận thiết kế xây dựng công trình. Trước khi thi công phải được cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền cấp phép thi công xây dựng công trình.

2. Thẩm quyền chấp thuận thiết kế và cấp phép thi công:

a) Sở Giao thông vận tải chấp thuận thiết kế và cấp phép thi công đối với hệ thống đường tỉnh và đường huyện được giao quản lý.

b) Ủy ban nhân dân cấp huyện chấp thuận thiết kế và cấp phép thi công đối với hệ thống đường huyện (trừ các tuyến đường huyện do Sở Giao thông vận tải quản lý).

3. Trình tự, thủ tục chấp thuận thiết kế và cấp phép thi công xây dựng công trình thiết yếu và biển quảng cáo trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với đường tỉnh, đường huyện đang khai thác thực hiện theo quy định tại khoản 4, khoản 5, khoản 6, khoản 7 Điều 13 và khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 5 Điều 14 Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT được sửa đổi tại khoản 6, khoản 7 Điều 1 Thông tư số 35/2017/TT-BGTVT ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Bộ Giao thông vận tải sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT.

4. Trình tự, thủ tục xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với tuyến đường tỉnh, đường huyện đang được xây dựng mới hoặc nâng cấp, cải tạo được thực hiện theo quy định tại Điều 17 Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT.

5. Chủ đầu tư chịu trách nhiệm về xây dựng công trình thiết yếu, biển quảng cáo không được làm ảnh hưởng đến an toàn giao thông, bền vững kết cấu công trình đường bộ và phải được cơ quan quản lý đường bộ bàn giao mặt bằng trước khi thi công và nghiệm thu hạng mục sau khi hoàn thành việc xây dựng.

6. Việc lắp đặt biển quảng cáo trong hoặc ngoài hành lang an toàn đường bộ phải đảm bảo khoảng cách an toàn đường bộ quy định tại khoản 2 Điều 16 Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT.

Điều 6. Xây dựng công trình thiết yếu và biển quảng cáo trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với hệ thống đường xã

1. Công trình thiết yếu và biển quảng cáo xây dựng trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với đường xã trước khi xây dựng phải được Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, chấp thuận.

2. Thủ tục chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu và biển quảng cáo trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với hệ thống đường xã như sau:

a) Chủ đầu tư công trình gửi văn bản xin chấp thuận xây dựng công trình vào Bộ phận “tiếp nhận và trả kết quả” của Ủy ban nhân dân cấp xã, trong đó nêu rõ vị trí, quy mô, khoảng cách xây dựng công trình so với đường giao thông.

b) Sau khi nhận được văn bản xin chấp thuận, trong thời gian không quá 05 ngày làm việc, Ủy ban nhân dân cấp xã tiến hành kiểm tra, xem xét, nếu đủ điều kiện có văn bản chấp thuận. Trường hợp không chấp thuận phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

Mục 2

ĐẤU NỐI ĐƯỜNG NHÁNH VÀO ĐƯỜNG TỈNH, ĐƯỜNG HUYỆN

Điều 7. Chấp thuận thiết kế nút giao đấu nối vào đường tỉnh

1. Các đường nhánh đấu nối vào đường tỉnh trước khi xây mới hoặc nâng cấp, cải tạo chủ công trình, dự án phải lập và gửi hồ sơ thiết kế đến Sở Giao thông vận tải để được xem xét, chấp thuận thiết kế nút giao đấu nối vào đường tỉnh.

2. Trình tự, thủ tục chấp thuận thiết kế nút giao đầu nối vào đường tỉnh thực hiện theo quy định tại khoản 3, khoản 4, khoản 5 Điều 26 Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT.

3. Nút giao của đường nhánh đầu nối vào đường tỉnh phải được thiết kế đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật, an toàn giao thông và không ảnh hưởng đến sự bền vững của kết cấu công trình đường tỉnh đó.

4. Các dự án đường bộ xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo có đầu nối vào đường tỉnh do Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc Sở Giao thông vận tải làm chủ đầu tư không phải thực hiện bước đề nghị chấp thuận thiết kế.

Điều 8. Cấp phép thi công nút giao đầu nối vào đường tỉnh

1. Đường nhánh đầu nối vào đường tỉnh trước khi thi công phải được Sở Giao thông vận tải cấp phép thi công xây dựng công trình.

2. Trình tự, thủ tục cấp phép thi công nút giao đầu nối vào đường tỉnh thực hiện theo quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 27 Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT.

3. Chủ đầu tư chịu trách nhiệm về chất lượng công trình nút giao ảnh hưởng đến an toàn giao thông, bền vững kết cấu công trình đường bộ và phải nộp 01 bộ hồ sơ hoàn công để cơ quan cấp phép thi công lưu trữ và bổ sung, cập nhật nút giao vào hồ sơ quản lý tuyến đường.

4. Chủ sở hữu hoặc người được giao quản lý, sử dụng nút giao chịu trách nhiệm bảo trì nút giao; việc bảo dưỡng thường xuyên nút giao không phải đề nghị cấp phép thi công nhưng phải chịu trách nhiệm nếu để xảy ra tai nạn giao thông; khi sửa chữa định kỳ nút giao phải đề nghị cấp phép thi công theo quy định tại Điều này.

5. Các dự án đường bộ xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo có đầu nối vào đường tỉnh do Sở Giao thông vận tải làm chủ đầu tư không phải cấp phép thi công.

Điều 9. Đầu nối đường nhánh vào đường huyện

1. Đường nhánh đầu nối vào đường huyện trước khi xây dựng mới phải được Ủy ban nhân dân cấp huyện chấp thuận đầu nối đường nhánh vào đường huyện.

2. Thủ tục chấp thuận đường nhánh đầu nối vào đường huyện:

a) Chủ đầu tư công trình gửi văn bản đề nghị chấp thuận đầu nối vào Bộ phận “tiếp nhận và trả kết quả” của Ủy ban nhân dân cấp huyện, trong đó nêu rõ vị trí, quy mô xây dựng công trình.

b) Sau khi nhận được văn bản xin chấp thuận, trong thời gian không quá 07 ngày làm việc, Ủy ban nhân dân cấp huyện tiến hành kiểm tra, xem xét, nếu đủ điều kiện có văn bản chấp thuận. Trường hợp không chấp thuận phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

Mục 3
SỬ DỤNG TẠM THỜI MỘT PHẦN HÈ PHỐ, LÒNG ĐƯỜNG
KHÔNG VÌ MỤC ĐÍCH GIAO THÔNG

Điều 10. Sử dụng tạm thời một phần hè phố, lòng đường không vào mục đích giao thông

1. Các hoạt động sử dụng tạm thời một phần hè phố, lòng đường được quy định tại điểm a, điểm d, điểm đ khoản 2 Điều 25a, khoản 2 Điều 25b và Điều 25c Nghị định số 11/2010/NĐ-CP được bổ sung tại khoản 4 Điều 1 Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP có thời gian sử dụng lớn hơn 48 giờ phải được cơ quan quản lý có thẩm quyền chấp thuận bằng văn bản trước khi thực hiện.

2. Thẩm quyền chấp thuận các hoạt động sử dụng tạm thời một phần hè phố, lòng đường được quy định tại khoản 1 Điều này như sau:

a) Ủy ban nhân dân cấp huyện chấp thuận các hoạt động quy định tại điểm b khoản 2 Điều 25b Nghị định số 11/2010/NĐ-CP được bổ sung tại khoản 4 Điều 1 Nghị định số 100/2013/NĐ-CP trên đường đô thị thuộc địa bàn quản lý.

b) Ủy ban nhân dân cấp xã chấp thuận các hoạt động quy định tại điểm a, điểm d, điểm đ khoản 2 Điều 25a, điểm a khoản 2 Điều 25b và Điều 25c Nghị định số 11/2010/NĐ-CP được bổ sung tại khoản 4 Điều 1 Nghị định số 100/2013/NĐ-CP trên đường đô thị thuộc địa bàn quản lý.

3. Thủ tục chấp thuận sử dụng tạm thời một phần hè phố, lòng đường của các hoạt động quy định tại khoản 1 Điều này thực hiện như sau:

a) Trình tự thực hiện: Cá nhân, tổ chức có nhu cầu sử dụng tạm thời một phần hè phố, lòng đường nộp hồ sơ và làm theo hướng dẫn tại Bộ phận “tiếp nhận và trả kết quả” của cơ quan có thẩm quyền quy định tại Khoản 2 Điều này.

b) Hồ sơ gồm: Đơn đề nghị chấp thuận (theo mẫu tại Phụ lục 1); Bản vẽ vị trí mặt bằng, diện tích hè phố đề nghị được tạm thời sử dụng (theo mẫu tại Phụ lục số 2); Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (đối với trường hợp đề nghị cấp phép điểm trung chuyển rác thải); Văn bản cho phép tổ chức hoạt động xã hội của Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch, Sở Công Thương hoặc Ủy ban nhân dân cấp huyện theo quy định.

c) Thời hạn giải quyết: Không quá 07 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

d) Sau khi nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền tiến hành thẩm định hồ sơ, nếu đủ điều kiện có văn bản chấp thuận (theo mẫu phụ lục 3). Trường hợp không chấp thuận phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

4. Sử dụng tạm thời một phần hè phố vào việc tổ chức đám tang, tổ chức đám cưới, việc trông, giữ xe phục vụ đám cưới, đám tang và sử dụng tạm thời một phần hè phố, lòng đường vào các hoạt động quy định tại điểm a, điểm d, điểm đ khoản 2 Điều 25a, khoản 2 Điều 25b, Điều 25c Nghị định số 11/2010/NĐ-CP được bổ sung tại

khoản 4 Điều 1 Nghị định số 100/2013/NĐ-CP có thời gian sử dụng không quá 48 giờ thì không phải xin chấp thuận của các cơ quan có thẩm quyền nhưng phải thông báo với Ủy ban nhân dân cấp xã sở tại trước khi sử dụng.

5. Các tổ chức, cá nhân khi sử dụng tạm thời một phần hè phố, lòng đường cho các hoạt động quy định tại khoản 1, khoản 4 Điều này phải đảm bảo điều kiện quy định tại khoản 3 Điều 25a, khoản 3 Điều 25b và khoản 2 Điều 25c Nghị định số 11/2010/NĐ-CP được bổ sung tại khoản 4 Điều 1 Nghị định số 100/2013/NĐ-CP.

Điều 11. Quy định về thu phí khi sử dụng tạm thời một phần hè phố, lòng đường không vào mục đích giao thông và để trông giữ xe

1. Các hoạt động sử dụng tạm thời một phần hè phố, lòng đường phải nộp phí theo quy định tại Nghị quyết số 33/2016/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XVIII, kỳ họp thứ 2 quy định mức thu và tỷ lệ điều tiết các loại phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã có trách nhiệm tổ chức thu phí khi tổ chức, cá nhân sử dụng tạm thời một phần hè phố, lòng đường không vào mục đích giao thông và để trông giữ xe. Các tổ chức, cá nhân khi sử dụng tạm thời một phần hè phố, lòng đường có trách nhiệm nộp phí sử dụng theo khoản 1 Điều này cho cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 10 trước khi sử dụng tạm thời một phần hè phố, lòng đường.

**Chương III
TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 12. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ

1. Trách nhiệm của Sở Giao thông vận tải

a) Quản lý thực hiện quy hoạch kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; quản lý và bảo trì hệ thống đường tỉnh và đường huyện được giao quản lý.

b) Cấp, thu hồi giấy phép thi công, đình chỉ các hoạt động gây mất an toàn giao thông, an toàn công trình đường bộ trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông trên các tuyến đường tỉnh và đường huyện được giao quản lý.

c) Xây dựng và triển khai kế hoạch giải tỏa hành lang an toàn đường bộ.

d) Chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã xây dựng phương án và tổ chức thực hiện việc cấm mốc lộ giới, bàn giao cho Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý, bảo vệ mốc lộ giới.

e) Phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện và các cơ quan liên quan tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

g) Hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã thực hiện công tác quản lý, bảo trì và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

h) Chỉ đạo Thanh tra giao thông vận tải kiểm tra, thanh tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ. Phối hợp với Đơn vị quản lý đường bộ, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã thực hiện công tác quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông trên các tuyến đường tỉnh, đường huyện do Sở Giao thông vận tải quản lý.

2. Trách nhiệm của Công an tỉnh

a) Chỉ đạo lực lượng công an thực hiện công tác tuần tra, kiểm soát, điều tra, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ theo quy định.

b) Phối hợp với Sở Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân cấp huyện, các đơn vị quản lý đường bộ trên địa bàn xây dựng kế hoạch, phương án bảo đảm an ninh, trật tự an toàn giao thông, trật tự công cộng phục vụ giải tỏa, cưỡng chế vi phạm hành lang an toàn giao thông đường bộ trên địa bàn tỉnh.

3. Trách nhiệm của Sở Xây dựng

Hướng dẫn lập quy hoạch và quản lý xây dựng ngoài hành lang an toàn đường bộ; đồng thời, hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp huyện quản lý kết cấu hạ tầng giao thông đô thị trên địa bàn tỉnh.

4. Trách nhiệm của Sở Công Thương

Chỉ đạo, hướng dẫn việc xây dựng hệ thống cửa hàng xăng dầu, khí dầu mỏ hóa lỏng, công trình điện và các công trình xây dựng chuyên ngành khác dọc theo các tuyến đường bộ phải tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy định về quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ và an toàn giao thông.

5. Trách nhiệm của Sở Tài chính

Chủ trì, phối hợp với Sở Giao thông vận tải tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí nguồn ngân sách để thực hiện công tác quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, công tác quản lý hành lang an toàn đường bộ, kinh phí tổ chức giải tỏa vi phạm về hành lang an toàn đường bộ.

6. Trách nhiệm của các Sở, ngành liên quan khác

Phối hợp với Sở Giao thông vận tải và Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

7. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện

a) Thực hiện nhiệm vụ theo Điều 41 Nghị định số 11/2010/NĐ-CP và khoản 4 Điều 31 Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT.

b) Chấp thuận, cấp giấy phép thi công trên hệ thống đường đô thị, đường huyện, đường xã theo Quy định này. Thu hồi văn bản chấp thuận, đình chỉ hoạt động gây mất an toàn giao thông, an toàn công trình đường bộ trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ theo thẩm quyền. Chỉ đạo lực lượng chức năng, phòng ban

tham mưu phối hợp với lực lượng Thanh tra giao thông và Công an kiểm tra, phát hiện xử lý các vi phạm về sử dụng hè phố, lòng đường trên địa bàn quản lý.

c) Chủ trì, phối hợp với Sở Giao thông vận tải, Sở Xây dựng tổ chức xây dựng quy hoạch sử dụng tạm thời một phần hè phố, lòng đường không vào mục đích giao thông trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt và tổ chức thực hiện sau khi phê duyệt quy hoạch.

8. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Thực hiện nhiệm vụ theo Điều 42 Nghị định số 11/2010/NĐ-CP và khoản 5 Điều 31 Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT.

b) Huy động lực lượng tham gia công tác cưỡng chế, giải tỏa vi phạm hành lang an toàn đường bộ theo kế hoạch của Ủy ban nhân dân cấp huyện và đơn vị quản lý đường bộ.

c) Phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện lập danh mục các tuyến phố được phép sử dụng tạm thời một phần hè phố, lòng đường không vào mục đích giao thông.

d) Tổ chức hướng dẫn, kiểm tra, giám sát các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sử dụng tạm thời một phần hè phố, lòng đường theo Văn bản chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền.

e) Phối hợp với lực lượng Thanh tra giao thông và Công an kiểm tra, phát hiện xử lý các vi phạm về sử dụng hè phố, lòng đường trên địa bàn quản lý.

9. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân cư trú hoặc hoạt động hai bên đường bộ

a) Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về bảo vệ công trình đường bộ và hành lang an toàn đường bộ.

b) Phát hiện và thông báo kịp thời đến cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền hoặc Ủy ban nhân dân nơi gần nhất các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; chịu trách nhiệm trước pháp luật đối với các hành vi vi phạm quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, đặc biệt trong trường hợp không chấp hành yêu cầu của đơn vị quản lý đường bộ hoặc các cơ quan bảo vệ pháp luật khi tiến hành lập biên bản vi phạm và xử lý vi phạm theo thẩm quyền.

c) Không tự ý xây dựng mới hoặc coi nới, cải tạo nhà cửa hay bất kỳ công trình nào khác nằm trong hành lang an toàn đường bộ; không lấn chiếm lề, lòng đường làm nơi họp chợ, để nông, lâm, hải sản, vật liệu xây dựng hoặc làm nơi sản xuất, kinh doanh các dịch vụ khác; không tự ý tháo dỡ, di chuyển hoặc làm hư hỏng, mất tác dụng của công trình đường bộ.

d) Chấp hành sự thanh tra, kiểm tra của Thanh tra Giao thông vận tải, cơ quan quản lý đường bộ và chính quyền địa phương về việc sử dụng đất trong hành lang an toàn đường bộ.

10. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân sử dụng phạm vi bảo vệ kết cấu

hạ tầng giao thông đường bộ

a) Thực hiện đầy đủ các thủ tục về chấp thuận điểm đầu nối, chấp thuận xây dựng và cấp phép thi công, chấp thuận các hoạt động sử dụng lòng đường vỉa hè tại Quy định này.

b) Tổ chức thực hiện đảm bảo an toàn giao thông trên đường bộ trong quá trình thi công theo quy định của pháp luật và chịu trách nhiệm nếu để xảy ra mất an toàn giao thông trên đường bộ do không thực hiện đầy đủ các quy định của Giấy phép thi công. Chấp hành sự kiểm tra, kiểm soát của đơn vị quản lý đường bộ, Thanh tra giao thông vận tải và cơ quan có thẩm quyền khác.

c) Tháo dỡ, di chuyển hoặc cải tạo công trình đúng tiến độ theo yêu cầu của cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền, không yêu cầu bồi thường, hỗ trợ và phải chịu hoàn toàn trách nhiệm, kinh phí liên quan đối với các công trình nằm trong phạm vi đất dành cho đường bộ đã được cấp phép thi công, công trình thuộc quy định này nhưng không có cấp phép thi công hoặc tồn tại từ trước.

Điều 13. Điều khoản thi hành

Trong quá trình triển khai thực hiện nếu các văn bản Luật Giao thông đường bộ ngày 13 tháng 11 năm 2008, Nghị định số 11/2010/NĐ-CP, Nghị định số 100/2013/NĐ-CP, Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT, Thông tư số 35/2017/TT-BGTVT được sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ thì quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với hệ thống đường tỉnh, đường đô thị, đường huyện, đường xã thực hiện theo văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung, thay thế văn bản đó./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lại Thanh Sơn

Phụ lục 1**MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ SỬ DỤNG TẠM THỜI**

(Kèm theo Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 05/2018/QĐ-UBND
ngày 02/4/2018 của UBND tỉnh Bắc Giang)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

(của cá nhân hoặc tổ chức)

V/v: Sử dụng tạm thời một phần.....

Tuyến đường:

Kính gửi:

1. Tên tổ chức, cá nhân:

- Người đại diện: Chức vụ:

- Địa chỉ:

- Số điện thoại liên hệ:

2. Nội dung đề nghị xin phép:

- Tên hoạt động:

- Địa điểm: Từ (tại) Km(số nhà)...đến Km (số nhà)... trên tuyến đường

- Thuộc xã (phường) ... huyện (thị) ...

- Thời gian bắt đầu và kết thúc hoạt động:.....

- Thời điểm thực hiện hoạt động trong ngày:.....

- Phạm vi, diện tích đề nghị cấp:

+ Chiều dài dọc theo hè phố, lòng đường:.....(m);

+ Chiều ngang:(m);

+ Diện tích:.....(m²);

- Biện pháp đảm bảo ATGT:

.....
.....;

- Biện pháp đảm bảo vệ sinh MT và mỹ quan đô thị:

.....
.....;

3. Lời cam kết :

Thực hiện đúng theo nội dung của văn bản chấp thuận;

Chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu làm ảnh hưởng đến an toàn công trình đô thị, an toàn giao thông đường bộ trong quá trình thực hiện trên tuyến đường đang khai thác;

Chịu trách nhiệm hoàn trả lại nguyên trạng hè phố, lòng đường sau khi kết thúc hoạt động

....., ngày ... tháng ... năm 2....

(Ký tên)

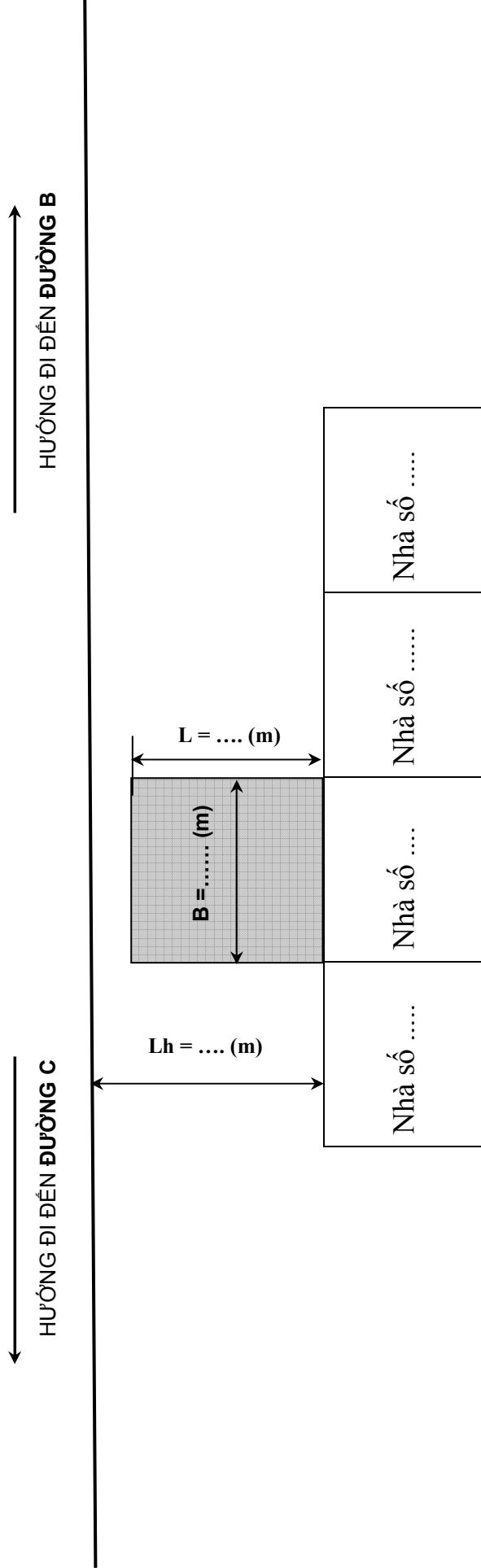
Họ tên (hoặc Tổ chức đóng dấu)

Phụ lục 2
MẪU BẢN VẼ ĐỀ NGHỊ XIN CHẤP THUẬN
(Kèm theo Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 05/2018/QĐ-UBND ngày 02/4/2018 của UBND tỉnh Bắc Giang)

BẢN VẼ PHẠM VI SỬ DỤNG TẠM HÈ PHỐ

ĐƯỜNG (ghi rõ tên đường, lý trình)..... km.....?

Mục đích:.....
 (ghi rõ để làm gì)



GHI CHÚ : Vị trí xin phép sử dụng :

Diện tích : $L(m) \times B(m) = S(m^2)$

Phụ lục 3**MẪU CHẤP THUẬN SỬ DỤNG TẠM THỜI**

(Kèm theo Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 05/2018/QĐ-UBND
ngày 02/4/2018 của UBND tỉnh Bắc Giang)

UBND.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../.....

Về việc: chấp thuận sử
dụng tạm thời một phần hè
phố, lòng đường.

....., ngày..... tháng.....năm 201.....

Kính gửi: (Tên tổ chức, cá nhân)

UBND...(cấp huyện hoặc cấp xã có thẩm quyền).... nhận được Đơn đề ngày... tháng... năm ... của ... (tên tổ chức, cá nhân)... Về việc đề nghị sử dụng tạm thời một phần hè phố, lòng đường (*tùy tình trường hợp*) của tuyến đường..... Sau khi xem xét UBND ... có ý kiến như sau:

Chấp thuận cho:... (tên tổ chức, cá nhân)....

- Địa chỉ:

- Số điện thoại liên hệ:

Được phép sử dụng tạm thời một phần hè phố, lòng đường vào hoạt động sau đây:

- Tên hoạt động:

- Địa điểm: Từ (tại) Km(số nhà)...đến Km(số nhà)... trên tuyến đường.....

- Thuộc xã (phường) ... huyện (thị) ...

- Thời gian bắt đầu và kết thúc hoạt động:.....

- Thời điểm thực hiện hoạt động trong ngày:.....

- Phạm vi, diện tích đề nghị cấp:

+ Chiều dài dọc theo hè phố, lòng đường:.....(m);

+ Chiều ngang:(m);

+ Diện tích:.....(m²);

- Trách nhiệm của tổ chức cá nhân được chấp thuận:

Chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu làm ảnh hưởng đến an toàn công trình đô thị, an toàn giao thông đường bộ trong quá trình thực hiện trên tuyến đường đang khai thác. Chịu trách nhiệm hoàn trả lại nguyên trạng vỉa hè, lòng đường sau khi kết thúc hoạt động

Nơi nhận:

-;
- Lưu VT.

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Phụ lục 4
QUY ĐỊNH PHẠM VI ĐẤT DÀNH CHO ĐƯỜNG BỘ TRÊN CÁC TUYẾN QUỐC LỘ
(Kèm theo Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 05/2018/QĐ-UBND ngày 02/4/2018 của UBND tỉnh Bắc Giang)

TT	Tên đường	Điểm đầu (Lý trình đường giao và địa danh)	Điểm cuối (Lý trình đường giao và địa danh)	Hiện trạng			Quy hoạch đến 2030		Phần đất bảo vệ, bảo trì đường bộ (m)	Giới hạn hành lang an toàn đường bộ (m)	Ghi chú (Tuyến đi qua huyện, thành phố)
				Chiều dài (km)	Chiều rộng		Cấp đường hiện tại	Cấp đường			
				B nền (m)	B mặt (m)						
1	QL.1	Cầu Lường (Km94+700)	Như Nguyệt (Km132+100)	9-12	7						
	Đoạn 1	Cầu Lường (Km94+700)	Tân Xuyên (Km109+400)	9-12	7	III	Cao tốc	33	17	Lạng Giang, TP Bắc Giang	
	Đoạn 2	Tân Xuyên (Km109+400)	Như Nguyệt (Km132+100)	33	10,25+9 +10,25	Cao tốc	Cao tốc	33	17	TP Bắc Giang, Việt Yên	
2	QL 31	Km114+090 QL.1	Hữu Sản	97							
	Đoạn 1	Km2	Km75+500	7	6	IV	III	12	13	Bắc Giang, Lạng Giang, Lục Nam, Lục Ngạn, Sơn Động	
	Đoạn 2	Km75+500	Km97	7,5	5,5	V	IV	9	9	Sơn Động	
3	QL 37	Km13 (giáp tỉnh Hải Dương)	Km97 (giáp tỉnh Thái Nguyên)			IV	III	12	13		

TT	Tên đường	Điểm đầu		Điểm cuối		Chiều dài (km)	Hiện trạng			Quy hoạch đến 2030		Phần đất bảo vệ, bảo trì đường bộ (m)	Giới hạn hành lang an toàn đường bộ (m)	Lục Nam, Lạng Giang
		(Lý trình đường giao và địa danh)	(Lý trình đường giao và địa danh)	Chiều rộng	Cấp đường hiện tại		Cấp đường	B nền (m)	B nền (m)					
		(Lý trình đường giao và địa danh)	(Lý trình đường giao và địa danh)				B nền (m)	B mặt (m)						
	Đoạn 1	Km13 (giáp tỉnh Hải Dương)	Km46+400 (Km104 QL.1 mới)			33,4	8	6	IV	III	12	2	13	Lục Nam, Lạng Giang
	Đoạn 2	Km70 KCN Đình Trám	Km97 (giáp tỉnh Thái nguyên)			27	11	9	IV	III	12	2	13	Việt Yên, Hiệp Hoà
4	QL.27	Km37 (giáp tỉnh Quảng Ninh)	Km94 (giáp tỉnh Lạng Sơn)	Điểm cuối	Điểm đầu	57			IV	IV	9	1	9	Ghi chú (Tuyến đi qua huyện, thành phố)
	Đoạn1	Km37 (giáp tỉnh Quảng Ninh)	Km64 giao tại Km76+500 QL.31	(Lý trình đường giao và địa danh)		27	8	6		IV	9	1	9	Sơn Động
	Đoạn 2	Km64 giao tại Km 56 QL.31	Km94 (giáp tỉnh Lạng Sơn)			30				IV	9	1	9	Lục Ngạn
	"	Km64 giao tại Km 56 QL.31	Km85			21	8	6		IV	9	1	9	
	"	Km85	Km86			1	9	9		IV	9	1	9	
	"	Km86	Km94 giáp tỉnh Lạng Sơn			8	8	6		IV	9	1	9	
5	QL 17	Km51+700 (Cầu Yên Dũng)	Km108+800 (giáp tỉnh Thái Nguyên)	Điểm cuối	Điểm đầu	57,1								
	Đoạn 1	Km51+700	Km54+600 xã Nham Sơn	(Lý trình đường giao và địa danh)		2,9	22,5	10x2	II	II	22,5	Theo QH đồ thị - CN		Yên Dũng
	Đoạn 2	Km54+600 xã Nham Sơn	Km59+500 xã Tiên Phong			4,9	9	7	IV	III	12	2	13	Yên Dũng

Phụ lục 5

QUY ĐỊNH PHẠM VI ĐẤT DÀNH CHO ĐƯỜNG BỘ TRÊN CÁC TUYẾN ĐƯỜNG TỈNH

(Kèm theo Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 05/2018/QĐ-UBND ngày 02/4/2018 của UBND tỉnh Bắc Giang)

TT	Tên đường	Điểm đầu (Lý trình đường giao và địa danh)	Điểm cuối (Lý trình đường giao và địa danh)	Chiều dài (km)	Hiện trạng			Quy hoạch đến 2030		Phân đất bảo vệ, bảo trì đường bộ (m)	Giới hạn hành lang an toàn đường bộ (m)	Ghi chú (Tuyến đi qua huyện, thành phố)
					Chiều rộng	Cấp đường	Cấp đường	Cấp đường	B nền (m)			
					B nền (m)	B mặt (m)		Cấp đường	B nền (m)			
1	ĐT.242	Bố Hạ	Đèo Cà	6	7,5	5,5	V	IV	9	1	9	Huyện Yên Thế
2	ĐT.248	Phong Minh	Xa Lý	26	6,5	3,5	V	IV	9	1	9	Huyện Lục Ngạn
3	ĐT.288	Bến Gầm	Gia Tư	19,5	7,5	3,5	V	IV	9	1	9	Huyện Hiệp Hoà
	"	Km0	Km10+500 Ba Hàng	10,5	7,5	3,5	V	IV	9	1	9	
	"	Km10+500	Km19+500	9	7,5	3,5	V	IV	9	1	9	
4	ĐT.289	Chũ	Khuôn Thần	9,7	7	3,5-5,5	V	IV	9	1	9	Huyện Lục Ngạn
5	ĐT.290	Kép Hạ	Cống Lâu	14,07	9	8,0	V	III	12	2	13	Huyện Lục Ngạn
6	ĐT.291	Yên Định	Thanh Sơn	25	7	3,5-6	V	IV	9	1	9	Huyện Sơn Động
7	ĐT.292	Kép	TT Cầu Gò	19	7	5,5	V	III	12	2	13	Huyện: Lạng Giang - Yên Thế
8	ĐT.293	TP Bắc Giang	Hạ My	73			V	III	12	2	13	Huyện Lục Nam
	"	Km0	Km2+750	2,75	34,5	20,5						
	"	Km2+750	Km48	45,25	12	11						

TT	Tên đường	Điểm đầu (Lý trình đường giao và địa danh)	Điểm cuối (Lý trình đường giao và địa danh)	Chiều dài (km)	Hiện trạng			Quy hoạch đến 2030		Phân đất bảo vệ, bảo trì đường bộ (m)	Giới hạn hành lang an toàn đường bộ (m)	Ghi chú (Tuyến đi qua huyện, thành phố)
					B nền (m)	B mặt (m)	Cấp đường	Cấp đường	B nền (m)			
	"	Km48	Km73	25	12	11						
9	ĐT.294	Sỏi	Cầu Ca	15	7,5	5,5	V	III	12	2	13	Huyện : Yên Thế - Tân Yên
10	ĐT.295	Ngã tư Đồi Ngô	Đông Xuyên	70,5				III	12	2	13	Huyện: Lục Nam - Lạng Giang - Tân Yên - Hiệp Hoà
	"	Km0	Km9+837		6,5	3,5	V					
	"	Km9+837	Km17+200		7,5-13	5,5-10	IV					
	"	Km17+200	Km30		12	8-18	III					
	"	Km30	Km42+500		7,5	5,5	IV					
	"	Km42+500	Km53		5,5	3,5	V					
	"	Km53	Km70+500		12	8-10	IV					
11	ĐT.295B	Tân Xuyên	Đáp Cầu	23,8			IV	II	22,5	3	17	Huyện Lạng Giang, TP Bắc Giang, huyện Việt Yên
	"	Km0	Km4	4	7	5,5	IV					
	"	Km4	Km11	7	22	21						UBND thành phố Bắc Giang

TT	Tên đường	Điểm đầu (Lý trình đường giao và địa danh)	Điểm cuối (Lý trình đường giao và địa danh)	Chiều dài (km)	Hiện trạng			Quy hoạch đến 2030		Phần đất bảo vệ, bảo trì đường bộ (m)	Giới hạn hành lang an toàn đường bộ (m)	Ghi chú (Tuyến đi qua huyện, thành phố)
					B nền (m)	B mặt (m)	Cấp đường	Cấp đường	B nền (m)			
												quản lý
	"	Km11	Km23,5	12,5	12	11	III					
12	ĐT.296	Thắng	Vát	9,5	9	7	IV	III	12	2	13	Huyện Hiệp Hoà
13	ĐT.297	Phúc Sơn	Việt Ngọc	8	7,5	6	V	IV	9	1	9	Huyện: Tân Yên - Hiệp Hoà
14	ĐT.298	Liên Sơn	Phúc Lâm	18	9	7	V	IV	9	1	9	Huyện: Tân Yên - Việt Yên
15	ĐT.298B	Khả Lý	Chùa Bỏ	7	7		V	IV	9	1	9	Huyện Việt Yên
	"	Km0	Km2	2	5	3,5						
	"	Km2	Km4	2	6	3,5						
	"	Km4	Km7	3	5	3,5						
16	ĐT.299	Thái Đào	Neo	11,7	7,5	6	V	III	12	2	13	Thành phố Bắc Giang - Huyện Yên Dũng
17	ĐT.299B	Tân An	Chùa La	8,4	6,5	5,5	V	IV	9	1	9	Huyện Yên Dũng
18	ĐT.398	Đồng Việt	xã Nham Sơn	12			V, IV					Huyện Yên Dũng - Tân Yên - Yên Thế
	"	Km0	Km8	8	7	5,5						
	"	Km8	Km9+100	1,1	22	20						

